

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oOo-----

[...], ngày [...] tháng [...] năm [...]

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

Số: [...]

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015;
- Căn cứ Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam năm 2010;
- Căn cứ thỏa thuận của hai bên;

Hôm nay, chúng tôi gồm có:

Bên cho vay: (Bên A) : [...]

Địa chỉ : [...]

Điện thoại : [...] Fax: [...]

Tài khoản : [...] Tại : [...]

Đại diện : [...] Chức vụ: [...]

Theo Giấy ủy quyền số : [...]

Và

Bên cho vay: (Bên B) : [...]

Địa chỉ : [...]

Điện thoại : [...] Fax: [...]

Tài khoản : [...] Tại : [...]

Đại diện : [...] Chức vụ: [...]

Theo Giấy ủy quyền số : [...]

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng tín dụng với các điều khoản sau:

Điều 1. Mục đích sử dụng tiền vay

Bên A cho Bên B vay vốn nhằm mục đích: [...]

Điều 2. Số tiền vay, đồng tiền cho vay và trả nợ

2.1 Bên A đồng ý cho Bên B vay số tiền tối đa là:

- Bằng số: [...]
- Bằng chữ: [...]

2.2 Đồng tiền cho vay và trả nợ: Bên B nhận tiền vay và trả nợ bằng VND.

Điều 3. Thời hạn vay và trả nợ

Thời hạn vay: [...] tháng, kể từ ngày [...] tháng [...] năm [...]

Điều 4. Lãi suất cho vay

4.1 Lãi suất cho vay là [...] %/tháng được tính trên tổng số tiền vay.

4.2 Tiền lãi được tính trên tổng số tiền vay, theo lãi suất cho vay nhân với thời gian vay. Thời gian vay được kể từ ngày Bên B nhận tiền vay đến ngày trả hết nợ gốc và lãi (kể cả lãi quá hạn nếu có), căn cứ vào các phiếu thu của Bên A được hai bên ký nhận theo điều 4.3 dưới đây.

4.3 Trường hợp Bên B nhận tiền vay thành nhiều lần thì mỗi lần nhận tiền vay, hai bên ký Phiếu thu hoặc Biên lai nhận nợ. Phiếu thu, biên lai nhận nợ được đính kèm cùng Hợp đồng này.

4.4 Lãi suất nợ quá hạn: Trường hợp đến kỳ trả nợ gốc và lãi, nếu Bên B không thanh toán toàn bộ nợ (gốc và lãi) mà không có thỏa thuận nào khác với Bên A thì Bên B phải chịu lãi suất nợ quá hạn bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) lãi suất cho vay.

4.5 Nếu hết hạn [...] mà Bên B không thể thanh toán các khoản nợ thì Bên A áp dụng các biện pháp đảm bảo như đã thỏa thuận.

4.6 Các bên thoả thuận thứ tự thu nợ.

Điều 5 Trả nợ và phương thức trả nợ

5.1 Trả nợ gốc và lãi:

a. Trả nợ gốc:

- Thời hạn trả nợ gốc: [...] tháng, kể từ ngày [...] tháng [...] năm [...]
- Kỳ hạn trả nợ: [...]
- Mức trả nợ trong mỗi kỳ hạn: [...]
- Thời điểm bắt đầu trả nợ gốc: [...]

b. Trả nợ lãi:

- Bên B phải trả lãi hàng tháng kể từ ngày phát sinh dư nợ vay.
- Tiền lãi được tính từ ngày Bên B rút tiền vay cho đến ngày trả hết nợ và được tính trên số dư nợ vay nhân (x) với lãi suất năm chia (:) cho 360 (ngày) nhân (x) với số ngày vay thực tế.

5.2 Trả nợ trước hạn

- a. Bên B được trả nợ trước hạn khi không có bất kỳ một khoản nợ tín dụng quá hạn, nợ phí tại Bên A theo bất kỳ hợp đồng tín dụng nào ký với Bên A.
- b. Bên B phải trả nợ trước hạn theo yêu cầu của Bên A theo quy định tại Điều 8.

5.3 Thứ tự trả nợ

- a. Bên B trả nợ cho Bên A theo nguyên tắc trả nợ lãi trước (trong đó trả nợ lãi quá hạn trước), trả nợ gốc sau (trong đó trả nợ gốc quá hạn trước).
- b. Trường hợp Bên B có nợ quá hạn và lãi treo của dự án vay tín dụng đầu tư của Nhà nước tại Bên A thì ưu tiên trả nợ tín dụng đầu tư của Nhà nước trước trả nợ theo Hợp đồng này.
- c. Thứ tự trả nợ nêu trên có thể được thay đổi theo quyết định của Bên A.

5.4 Phương thức trả nợ: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.

Điều 6. Thu hồi nợ trước hạn

6.1 Bên A có quyền thu hồi nợ trước hạn khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

- a. Bên B sử dụng vốn vay không đúng mục đích.
- b. Bên B không trả đầy đủ bất kỳ một khoản nợ nào đến hạn theo Hợp đồng này mà không được Bên A chấp thuận.
- c. Bên B thực hiện chuyển đổi sở hữu, tổ chức lại theo quy định pháp luật mà không thông báo trước cho Bên A, không làm thủ tục chuyển nợ cho người kế quyền trước khi tổ chức lại.
- d. Bên B cung cấp thông tin, tài liệu không chính xác, không đầy đủ, sai sự thật về việc sử dụng vốn vay và tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Bên B.
- e. Người điều hành hoặc người đại diện hợp pháp của Bên B bị khởi tố hình sự liên quan đến vốn vay và hoạt động của Bên B.
- f. Bên B có nguy cơ bị giải thể, phá sản.
- g. Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Bên B không còn hoặc bị giảm sút giá trị, có tranh chấp liên quan đến tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng trả nợ của Bên B.
- h. Bên B, người bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Bên B vi phạm hợp đồng bảo đảm tiền vay ký với Bên A.
- i. Người bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Bên B là cá nhân bị mất tích, chết, là cơ quan, tổ chức bị phá sản, giải thể hoặc không còn khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo đảm ở bất kỳ nguyên nhân nào khác mà Bên B không có biện pháp bảo đảm khác thay thế.

6.2 Khi xảy ra một hoặc các sự kiện quy định tại khoản 1, căn cứ vào tình hình thực tế và thiện chí trả nợ của Bên B, Bên A có quyền lựa chọn thời điểm thích hợp để thu hồi nợ trước hạn và ra thông báo gửi cho Bên B.

Điều 7. Bảo đảm tiền vay

7.1 Hai bên thống nhất áp dụng biện pháp bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Bên B theo Hợp đồng này là:

a. Biện pháp bảo đảm:[...]

b. Bên bảo đảm:[...]

c. Tài sản bảo đảm:[...]

Tổng giá trị tài sản bảo đảm:[...]

7.2 Các thỏa thuận cụ thể về bảo đảm tiền vay được quy định trong hợp đồng bảo đảm tiền vay.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

Có các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Quy chế vay vốn của Bên A.

8.2 Yêu cầu Bên B thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết.

8.3 Ngừng cho vay, chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện Bên B cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng.

8.4 Giao cho Bên B tiền vay theo lịch trình đã thỏa thuận tại Hợp đồng này.

8.5 Nhận tiền lãi vay hàng tháng, lãi suất nợ quá hạn trong trường hợp đến kỳ thanh toán mà Bên B không trả được nợ

8.6 Áp dụng các biện pháp đảm bảo theo thỏa thuận để đảm bảo quyền lợi của mình.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

9.1 Yêu cầu Bên A thực hiện đúng các nghĩa vụ đã cam kết.

9.2 Từ chối các yêu cầu của Bên A không đúng với các thỏa thuận trong Hợp đồng này.

9.3 Sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung khác đã thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn.

9.4 Thanh toán đầy đủ, đúng hạn toàn bộ nợ (gốc và lãi) cho Bên A.

9.5 Chịu trách nhiệm trước Bên A, trước pháp luật khi không thực hiện đúng cam kết theo Hợp đồng này hoặc quy chế vay vốn của Bên A.

Điều 10. Thông báo và trao đổi thông tin

10.1 Mọi thông báo, trao đổi thông tin giữa hai bên liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này phải được lập thành văn bản và được gửi đến địa chỉ dưới đây hoặc địa chỉ theo thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của các bên:

- Bên A: [...]

- Bên B: [...]

10.2 Mọi thông báo, giao dịch giữa hai bên trong quá trình thực hiện hợp đồng này phải được xác nhận, thực hiện bởi người đại diện hợp pháp của các bên.

10.3 Thông báo, thông tin được coi là đã được nhận bởi bên nhận tại thời điểm:

- Thời điểm thực tế bên nhận nhận được khi bên gửi đưa trực tiếp.

- Ngày làm việc mà văn bản được gửi đến nơi nhận bằng thư bảo đảm hoặc bản fax.

Điều 11. Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp

11.1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu một bên phát hiện bên kia vi phạm Hợp đồng phải thông báo bằng văn bản cho bên vi phạm biết và yêu cầu khắc phục các vi phạm đó.

Mọi tranh chấp về Hợp đồng sẽ được hai bên giải quyết bằng thỏa thuận, nếu không thể giải quyết bằng thỏa thuận thì hai bên có thể đưa tranh chấp ra Tòa án nhân dân [...] để giải quyết.

11.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, bên nào vi phạm Hợp đồng gây nên thiệt hại cho bên kia thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại.

Điều 12. Điều khoản thi hành

12.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Bên B trả hết nợ gốc, nợ lãi, nợ gốc quá hạn, nợ lãi quá hạn và phí, tiền bồi thường thiệt hại (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng này.
- Theo thỏa thuận của các bên.

12.2. Thanh lý hợp đồng: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng này chấm dứt, hai bên ký văn bản thanh lý Hợp đồng, nếu không ký văn bản thanh lý thì Hợp đồng được coi là đã thanh lý.

12.3. Sửa đổi, bổ sung hợp đồng: Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng này phải được cả hai bên thỏa thuận thống nhất và lập thành hợp đồng sửa đổi, bổ sung.

12.4. Hợp đồng này bao gồm [...] trang được đánh số thứ tự từ 01 đến [...], được lập thành [...] bản, có giá trị pháp lý như nhau: Bên A giữ [...] bản, Bên B giữ [...] bản, [...]

BÊN A

(Chức vụ, ký tên, đóng dấu, họ tên)

BÊN B

(Chức vụ, ký tên, đóng dấu, họ tên)